

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/KDTM-PT

Ngày: 28-8-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Đỗ Văn Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2025/QĐ-PT ngày 24/7/2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Kinh doanh thương mại số 455/TB-TA ngày 06/8/2025; Thông báo về việc dời thời gian xét xử phúc thẩm vụ án Kinh doanh thương mại số 476/TB-TA ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn V1; địa chỉ: khu công nghiệp A, xã A, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông J (Tổng Giám đốc), là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

+ Ông Mạch Nguyễn Duy T, sinh năm: 1997, ông Trần Trung T1, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Trần Trường P, sinh năm: 1978; địa chỉ liên lạc: số C, đường số B, khu dân cư H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024), ông T, ông P có mặt; ông T1 vắng mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn L1; địa chỉ: số A, thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Văn L (Giám đốc), là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

+ Ông Phạm Xuân S, sinh năm: 1974; địa chỉ: tổ dân phố C, phường N, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2025), có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975; địa chỉ: số A, đường H, phường H, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2025), có mặt.

Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 – Nguyên đơn và Công ty trách nhiệm hữu hạn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/7/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Mạch Nguyễn Duy T, ông Trần Trung T1, ông Nguyễn Trần Trường P, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì: Từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 (sau đây gọi tắt là Công ty V1) và Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 (sau đây gọi tắt là Công ty L1) ký với nhau 04 hợp đồng mua bán, theo đó Công ty L1 nhận cung cấp cho Công ty V1 cà phê hạt (cà phê nhân), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng số P001484 ký ngày 24/10/2023: số lượng: 100.000kg, giá: 60.700đ/kg. Chất lượng: cà phê nhân xô Raw 4C Farmer Connect 5% BBF, vụ mùa 2023/2024 (R (FAQ), MC-13%, FM-1%, BB-5% (4C/UTZ/RA- 4%, FT-3.5%), Crop 2023/2024). Thời gian giao hàng: 01/12/2023 - 31/12/2023;

2. Hợp đồng số P001573 ký ngày 07/11/2023: số lượng: 100.000kg, giá: 58.300đ/kg. Chất lượng: cà phê nhân xô Raw 4C Farmer Connect 5% BBF, vụ mùa 2023/2024 (R (FAQ), MC-13%, FM-1%, BB-5% (4C/UTZ/RA-4%, FT-3,5%), Vụ mùa 2023/2024). Thời gian giao hàng: 01/01/2024 - 31/01/2024;

3. Hợp đồng số P001615 ký ngày 14/11/2023: số lượng: 100.000kg, giá: 59.000đ/kg. Chất lượng: cà phê nhân xô Raw 4C Farmer Connect 5% BBF, vụ mùa 2023/2024 (R (FAQ), MC-13%, FM-1%, BB-5% (4C/UTZ/RA- 4%, FT-3.5%), Crop 2023/2024). Thời gian giao hàng: 01/01/2024 - 31/01/2024;

4. Hợp đồng số P001662 ký ngày 27/11/2023: số lượng: 100.000kg, giá: 59.800đ/kg. Chất lượng: cà phê nhân xô Raw 4C Farmer Connect 5% BBF, vụ mùa 2023/2024 (R (FAQ), MC-13%, FM-1%, BB-5% (4C/UTZ/RA- 4%, FT-3.5%), Crop 2023/2024). Thời gian giao hàng: 01/01/2024-31/01/2024.

Sau khi đồng ý giao kết hợp đồng, mặc dù chưa ký tên, đóng dấu và gửi lại bản gốc các hợp đồng cho Công ty V1 (Công ty V1 đã ký và đóng dấu trước vào các hợp đồng rồi gửi cho Công ty L1) nhưng Công ty L1 đã thực hiện nghĩa vụ ký quỹ theo thỏa thuận với số tiền tương ứng 03% trên tổng giá trị từng hợp đồng. Cụ thể: ngày 27/10/2023 ký quỹ 182.100.000đ cho hợp đồng số P001484; ngày 09/11/2023 ký quỹ 174.900.000đ cho hợp đồng số P001573; ngày 17/11/2023 ký quỹ 177.000.000đ cho hợp đồng số P001615 và ngày 06/12/2023 ký quỹ 179.400.000đ cho hợp đồng số P001622. Điều này cho thấy ý chí của Công ty L1 là đồng ý và mong muốn thực hiện đối với các hợp đồng mà Công ty V1 đã ký, đóng dấu và gửi cho bị đơn. Mặc dù đã thực hiện việc ký quỹ để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ giao hàng nhưng Công ty L1 đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng như đã thỏa thuận.

Công ty V1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty L1 giao hàng nhưng vẫn không có kết quả. Việc bị đơn không giao hàng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty V1, vì vậy Công ty V1 đã ký hợp đồng mua bán với 02 nhà cung cấp khác để mua lô hàng cùng chất lượng bù cho lô hàng mà Công ty L1 không giao được. Các nhà cung cấp mới cụ thể là: Công ty trách nhiệm hữu hạn N, địa chỉ: thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn C, địa chỉ: thôn I, xã T, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Theo đó Công ty N cung cấp bù số lượng 100.000kg với đơn giá là 77.400đ/kg theo hợp đồng mua bán số P001818 ngày 26/01/2024 (đính kèm); Công ty C cung cấp bù số lượng 200.000kg với đơn giá là 85.400đ/kg theo hợp đồng mua bán số P001872 ngày 28/02/2024 (đính kèm). Công ty C cung cấp bù số lượng 100.000kg với đơn giá là 86.100đ/kg theo hợp đồng mua bán số P001888 ngày 03/02/2024 (đính kèm).

Việc Công ty L1 không giao số lượng hàng còn lại đã gây ra thiệt hại cho Công ty V1, cụ thể là Công ty V1 đã phải mua hàng từ nhà cung cấp khác với giá cao hơn để bù cho lượng hàng mà Công ty L1 không giao được. Trong trường hợp này, tổng số tiền mà V phải bù chênh lệch là 9.502.050.597đ. Căn cứ theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký, Công ty L1 phải chịu trách nhiệm bồi thường cho V số tiền chênh lệch này sau khi đã khấu trừ đi số tiền ký quỹ là 713.400.000đ. Số tiền còn lại Công ty L1 phải bồi thường là 8.788.650.597đ.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn H, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1, thì: việc Công ty V1 có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty L1 phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền bù chênh lệch giá thị trường (tạm tính đến ngày 05/7/2024) là 8.788.650.597đ thì Công ty L1 không đồng ý với

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có ý kiến như sau: nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau về việc mua bán cà phê theo mức giá, thời gian và địa điểm giao hàng bằng lời nói với điều kiện để đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của thỏa thuận, bên bán phải ký quỹ cho bên mua số tiền tương đương 03% giá trị hợp đồng. Để thể hiện thiện chí của bên bán, bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền ký quỹ 03% giá trị các hợp đồng với tổng số tiền là 713.400.000đ.

Ngày 24/10/2023 bị đơn nhận được bản thảo hợp đồng mua bán cafe số P001484, ngày 07/11/2023 bị đơn nhận được bản thảo hợp đồng mua bán cafe số P001573, ngày 14/11/2023 bị đơn nhận được bản thảo hợp đồng mua bán cafe số P001615, ngày 27/11/2023 bị đơn nhận được bản thảo hợp đồng mua bán cafe số P001662 từ nguyên đơn. Tuy nhiên, khi nhận được các hợp đồng trên, bị đơn đã xem xét lại và nhận thấy các điều khoản hợp đồng không đúng như thỏa thuận ban đầu của các bên, do đó bị đơn đã không đồng ý và không ký vào các hợp đồng mà nguyên đơn gửi cho bị đơn.

Khi thương lượng với nguyên đơn, bị đơn mong muốn hợp đồng mua bán sẽ thể hiện đúng như thỏa thuận, mục đích ban đầu của các bên. Tuy nhiên, hợp đồng nguyên đơn gửi cho bị đơn không đạt được nên bị đơn đã không ký vào các hợp đồng này nên đương nhiên chưa có hiệu lực pháp luật; chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bị đơn nên nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền bù chênh lệch giá thị trường (tạm tính đến ngày 05/7/2024) là 8.788.650.597đ là không có cơ sở vì nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện việc giao kết hợp đồng, hợp đồng chưa được ký tên từ bị đơn, như vậy thỏa thuận giữa bên bán và bên mua chưa đạt được, hợp đồng chưa có hiệu lực pháp lý.

Ngoài ra, Công ty L1 có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án án giải quyết buộc Công ty V1 phải trả lại cho bị đơn số tiền ký quỹ là 713.400.000đ đã nhận trước đó.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 01/2025/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025; Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu bồi thường thiệt hại” với Công ty trách nhiệm hữu hạn L1.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 số tiền 5.406.600.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 phải bồi thường số tiền là 3.382.050.597đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải trả lại số tiền là 713.400.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/5/2025 Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/4/2025 Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa,

Các đương sự vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1; chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ thể hiện:

Từ ngày 24/10/2023 đến ngày 27/11/2023 Công ty V1 chuyển Công ty L1 04 hợp đồng mua bán cà phê nhân, gồm hợp đồng số P001484 ký ngày 24/10/2023, số lượng: 100.000kg, giá: 60.700đ/kg; hợp đồng số P001573 ký ngày 07/11/2023, số lượng: 100.000kg, giá: 58.300đ/kg; hợp đồng số P001615 ký ngày 14/11/2023, số lượng: 100.000kg, giá: 59.000đ/kg; hợp đồng số P001662 ký ngày 27/11/2023, số

lượng: 100.000kg, giá: 59.800đ/kg. Các hợp đồng này được nguyên đơn ký và đóng dấu sau đó chuyển cho bị đơn.

Theo lời trình bày của Công ty V1 thì sau khi các bên đồng ý giao kết các hợp đồng nói trên, mặc dù chưa ký tên, đóng dấu và gửi lại bản gốc các hợp đồng cho Công ty V1 nhưng Công ty L1 đã thực hiện nghĩa vụ ký quỹ theo thỏa thuận với số tiền tương ứng 3% trên tổng giá trị từng hợp đồng, điều này thể hiện bị đơn đã mặc nhiên đồng ý với các điều khoản của các hợp đồng mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn. Công ty L1 đã thực hiện việc ký quỹ, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ giao hàng như đã thỏa thuận. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn giao hàng nhưng không có kết quả.

Công ty L1 không đồng ý với ý kiến vừa nêu của nguyên đơn vì cho rằng sau khi nhận được các hợp đồng trên, bị đơn đã xem xét lại và nhận thấy các điều khoản hợp đồng không đúng như thỏa thuận ban đầu của các bên, do đó đã không đồng ý với các điều khoản này và không ký vào các hợp đồng mà nguyên đơn gửi đến nên hợp đồng chưa phát sinh hiệu lực.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng sau khi Công ty V1 và Công ty L1 thống nhất với nhau về nội dung hợp đồng thì nguyên đơn đã tiến hành soạn thảo hợp đồng mua bán (hợp đồng song ngữ bao gồm tiếng Anh và tiếng Việt); người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 sẽ ký tên và đóng dấu vào phần bên mua ở cuối hợp đồng; sau đó nguyên đơn sẽ tiến hành scan bản hợp đồng có chữ ký, con dấu và chuyển bằng thư điện tử cho Công ty L1.

Theo đó, Công ty L1 sẽ in, ký xác nhận, đóng dấu trên bản in có chữ ký và con dấu của Công ty V1, đồng thời gửi lại thư điện tử cho Công ty V1 để xác nhận và các bên bắt đầu thực hiện việc ký quỹ, giao nhận hàng hóa, thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Song song với việc gửi hợp đồng mua bán hàng hóa bằng thư điện tử, Công ty V1 sẽ gửi 02 bản cứng (bản giấy) hợp đồng mua bán đã ký qua dịch vụ bưu chính để Công ty L1 ký, đóng dấu xác nhận và chuyển lại theo đường bưu chính cho Công ty V1 để lưu giữ... Trên thực tế, nhân viên của Công ty V1 liên lạc và thỏa thuận nội dung theo hợp đồng trực tiếp với ông Nguyễn Văn L là Giám đốc Công ty L1 qua số điện thoại của ông Nguyễn Văn L là 0978.011038.

Như vậy, trên thực tế thì Công ty V1 chỉ mới thể hiện việc đề nghị giao kết hợp đồng bằng việc soạn thảo hợp đồng sau đó tiến hành scan bản hợp đồng có chữ ký, con dấu của Công ty và chuyển bằng thư điện tử cho Công ty L1. Theo đó, Công ty L1 sẽ in, ký xác nhận, đóng dấu trên bản in có chữ ký và con dấu của Công ty V1, đồng thời gửi lại thư điện tử cho Công ty V1 để xác nhận và các bên bắt đầu thực hiện việc ký quỹ, giao nhận hàng hóa, thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Song song với việc gửi hợp đồng mua bán hàng hóa bằng thư điện tử, Công ty V1 sẽ gửi 02 bản cứng (bản giấy) hợp đồng mua bán đã ký qua dịch vụ bưu chính để Công ty L1 ký, đóng dấu xác nhận và chuyển lại theo đường bưu chính

cho Công ty V1 để lưu giữ... Tuy nhiên, quá trình Công ty V1 thực hiện việc soạn thảo hợp đồng và sau khi gửi cho Công ty L1 thì bị đơn vẫn không có ý kiến nào phản hồi về việc sẽ ký hoặc không ký các hợp đồng nói trên, đồng thời Công ty L1 cũng lý giải việc không ký vào các hợp đồng do Công ty V1 gửi đến vì còn nhiều nội dung chưa thống nhất trong hợp đồng. Theo nội dung các hợp đồng này thì *“Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký...”*; như vậy hợp đồng chỉ phát sinh hiệu lực khi hai bên đã ký vào hợp đồng. Do bị đơn chưa ký vào các hợp đồng do nguyên đơn chuyển đến nên chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Như vậy, trên thực tế Công ty L1 chưa ký và đóng dấu vào các hợp đồng nói trên, bị đơn cũng chưa có ý kiến gì phản hồi sẽ thực hiện việc giao kết hợp đồng như hai bên đã thỏa thuận, nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc bị đơn đồng ý giao kết hợp đồng do đó hợp đồng chưa có hiệu lực, chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Nguyên đơn cho rằng việc bị đơn chuyển tiền ký quỹ tương ứng với 03% giá trị của từng hợp đồng cho Công ty V1 là mặc nhiên thống nhất với các điều khoản của các hợp đồng mà nguyên đơn đã gửi và làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, việc Công ty V1 cho rằng Công ty L1 vi phạm hợp đồng và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 8.788.650.597đ do vi phạm điều khoản không giao hàng đúng thời hạn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của Công ty L1 yêu cầu Công ty V1 trả lại số tiền 713.400.000đ thì thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện Công ty L1 đã thực hiện nghĩa vụ ký quỹ theo thỏa thuận với số tiền tương ứng 03% trên tổng giá trị từng hợp đồng. Cụ thể: ngày 27/10/2023 ký quỹ số tiền 182.100.000đ cho hợp đồng số P001484; ngày 09/11/2023 ký quỹ số tiền 174.900.000đ cho hợp đồng số P001573; ngày 17/11/2023 ký quỹ số tiền 177.000.000đ cho hợp đồng số P001615 và ngày 06/12/2023 ký quỹ số tiền 179.400.000đ cho hợp đồng số P001622.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty V1 thừa nhận đã nhận số tiền 713.400.000đ của Công ty L1 chuyển để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng.

Theo quy định tại Điều 330 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“1. Ký quỹ là việc bên có nghĩa vụ gửi một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ.*

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên có quyền được tổ chức tín dụng nơi ký quỹ thanh toán, bồi thường thiệt hại do bên có nghĩa vụ gây ra, sau khi trừ chi phí dịch vụ.

3. Thủ tục gửi và thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật”.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thừa nhận việc ký quỹ này là không phù hợp với quy định của pháp luật, nếu bị đơn không giao hàng thì cũng không mất số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại, đối với số tiền ký quỹ chỉ yêu cầu trừ vào số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại chứ không yêu cầu trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao kết và thực hiện hợp đồng thì phải mất số tiền ký quỹ nói trên. Do không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại nên không có căn cứ để cản trở số tiền ký quỹ vào số tiền mà bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn mà cần chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn để buộc nguyên đơn phải trả lại số tiền ký quỹ nói trên là đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1; chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận 9.502.050.597đ, án phí là 117.502.000đ (làm tròn) $\{112.000.000đ + 0,1\% \times 9.502.050.597đ\}$ và phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả lại cho bị đơn 713.400.000đ, án phí là 32.536.000đ $\{20.000.000đ + 4\% \times 713.400.000đ\}$, tổng án phí là 150.038.000đ.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty V1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Do yêu cầu phản tố và kháng cáo được chấp nhận nên Công ty L1 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 24, 37, 292, 300, 301, 302, 307, 317 và Điều 319 Luật Thương mại;
- Căn cứ Điều 330 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1, chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1, sửa Bản án Kinh doanh thương

mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại*” đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 về việc yêu cầu Công ty L1 phải bồi thường số tiền là 9.502.050.597đ (chín tỷ năm trăm lẻ hai triệu không trăm năm mươi nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải trả lại tiền ký quỹ.

Buộc Công ty V1 phải trả lại cho Công ty L1 số tiền 713.400.000đ (bảy trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải chịu 150.038.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; được trừ vào số tiền 58.394.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005117 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng); Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 còn phải nộp 91.644.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm còn thiếu.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty L1 được nhận lại số tiền 16.268.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005234 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng).

- Án phí phúc thẩm:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải chịu 2.000.000đ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; được trừ vào số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005478 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng); Công ty V1 đã nộp đủ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; Công ty L1 được nhận lại số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0005476 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng).

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (01);
- TAND khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch